

Số: 32/BC-NBS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305393838
- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 189.016.272.348 VND
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà văn phòng đại diện của Tổng Công ty Thép Việt Nam tại TP.HCM, số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.38298244 - Số fax: 028.38298245
- Địa chỉ Chi nhánh Nhơn Trạch: Lô II đường số 3 Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3569672 - Số Fax: 0251.3569673
- Website: NBSTEEL.VN
- Mã cổ phiếu (nếu có): TNB

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Thép Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam, với tiền thân là Công ty Thép Việt Thành (1971), Nhà máy Thép Việt Thành (1976), Nhà máy luyện cán Thép Nhà Bè (1981), Nhà máy Thép Nhà Bè (1992), Công ty Thép Nhà Bè (7/2007). Ngay sau đó Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa và được chính thức thành lập từ ngày 25/12/2007. Năm 2012 Công ty tiến hành di dời toàn bộ nhà xưởng sang KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Một số mốc và sự kiện quan trọng của Công ty:

- + Ngày thành lập: 25/12/2007
- + Ngày giao dịch trên sàn UPCOM: 16/04/2010
- + Ngày thành lập chi nhánh Nhơn Trạch: 01/11/2010
- + Ngày khánh thành dự án di dời từ Quận 7 sang Nhơn Trạch: 31/05/2013
- + Ngày đổi tên Công ty gần nhất: theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 5, ngày 05/4/2016, công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề chính: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

Trong đó sản xuất kinh doanh thép xây dựng các loại là hoạt động chủ yếu, bao gồm:

- + Thép thanh vằn từ D10 - D40
- + Thép góc đều cạnh từ V25 đến V80
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):
 - + Các tỉnh miền Tây trên 50%,
 - + Các tỉnh miền Đông trên 30%,
 - + Xuất khẩu Campuchia trên 10%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Là công ty con của Tổng công ty Thép Việt Nam –CTCP, do công ty mẹ chiếm 69,07% vốn điều lệ

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: Đến 31/12/2018, có 5 thành viên
 - + Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách
 - + Ông Lê Việt - Thành viên, Tổng giám đốc
 - + Ông Lê Xuân Anh - Thành viên
 - + Bà Đặng Thị Linh - Thành viên
 - + Ông Trương Bá Liêm - Thành viên
- Ban kiểm soát: Đến ngày 31/12/2018, có 3 thành viên:
 - + Ông Nguyễn Quốc Thiệu - Trưởng ban chuyên trách
 - + Ông Bùi Văn Vĩnh - Thành viên
 - + Bà Cù Thị Thùy Linh - Thành viên
- Ban Tổng giám đốc điều hành: Đến 31/12/2018, có 3 thành viên
 - + Ông Lê Việt - Tổng giám đốc
 - + Ông Nguyễn Hữu Khánh - Phó Tổng giám đốc kỹ thuật
 - + Ông Đỗ Ngọc Bằng - Phó Tổng giám đốc kinh doanh
- Các phòng chuyên môn:
 - + Phòng Tổ chức Hành chính
 - + Phòng Tài chính Kế toán
 - + Phòng Kế hoạch Kinh doanh
 - + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn
 - + Phòng Quản lý chất lượng
- Xưởng sản xuất cán thép công suất 180.000 tấn/năm
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018
 - + Ổn định công nghệ, thiết bị, nhằm tăng năng suất lao động phù hợp với năng lực sản xuất. Đảm bảo hoàn thành sản lượng 150.000 tấn thép cán các loại, đạt lợi nhuận 12 tỷ sau thuế;
 - + Cải thiện thu nhập cho người lao động tăng hơn so với 2017 (11,5 triệu đồng/người/tháng)

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- + Từng bước phát triển thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu;
- + Chủ động nguồn phôi thép bằng việc ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp lớn và ổn định;
- + Đào tạo, phát triển đội ngũ lao động có trình độ, kỷ luật và kỹ năng nghề nghiệp cao.
- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
- + Tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa người lao động với Công ty, có trách nhiệm với xã hội;
- + Sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
- + Mở rộng thị trường xuất khẩu.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về lao động

Nền kinh tế đã hồi phục và phát triển, nhiều doanh nghiệp sản xuất thép, cơ khí, vật liệu điện, xây dựng ... được thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất, kéo theo nhu cầu về lao động kỹ thuật tăng cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật đảm bảo được yêu cầu công việc sẽ có sự cạnh tranh trong thị trường lao động, có thể phát sinh biến động về lao động, phát sinh chi phí thôi việc, chi phí tuyển dụng đào tạo mới,...

5.2. Rủi ro đặc thù

Về biến động giá nguyên liệu đầu vào và sản phẩm

Nguyên liệu sản xuất chính (phôi thép) của Công ty phải mua hoàn toàn từ thị trường, với tỉ trọng trên 90% giá thành sản phẩm, nên sự biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Đặc biệt, nếu giá bán sản phẩm biến động ngược chiều giá nguyên liệu thì sẽ dẫn đến tình trạng lợi nhuận âm. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã có giải pháp đấu thầu cạnh tranh cung cấp phôi, tùy theo tình hình thị trường để cân đối kịp thời điều chỉnh về số lượng, giá, thời hạn giao nhận, chủng loại,... đối với nguyên liệu và sản phẩm, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về sự cạnh tranh cùng ngành

Hiện trên thị trường Việt nam có rất nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép xây dựng, trong đó có những tên tuổi lớn. Thép Nhà Bè có thể mạnh là doanh nghiệp có bề dày phát triển trên 40 năm, nằm trong hệ thống thép xây dựng nhãn hiệu chữ /v/ truyền thống được thị trường và người tiêu dùng tin nhiệm từ lâu, trong đó dòng sản phẩm thép góc đều cạnh được người tiêu dùng tin cậy. Để tăng lợi thế cạnh tranh của mình, Công ty không ngừng cải tiến công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện theo tinh thần luôn là bạn là đối tác tin cậy của nhà phân phối và người tiêu dùng.

5.3. Rủi ro về tài chính

Về tỷ giá

Nguyên nhiên liệu của Công ty mua chủ yếu tại thị trường trong nước, sản phẩm bán ra trên 90% cho thị trường trong nước, nên sự biến động về tỷ giá ngoại tệ với VNĐ ít gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo nếu tăng cường xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên liệu thì có thể xảy ra rủi ro này.

Về lãi suất

Công ty cần sử dụng vốn vay để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trong năm 2018, lãi

suất ngân hàng tương đối ổn định ở mức hợp lý, cùng với chủ trương giảm bớt lệ thuộc vào nợ ngân hàng đã làm chi phí tài chính của Công ty giảm đáng kể so với 2017. Nhưng do lãi suất các Ngân hàng thương mại luôn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên rủi ro này vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi việc quản trị rủi ro phải luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường.

Về cháy nổ

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, Công ty hiện đang sử dụng hệ thống lò nung phôi cán bằng nguồn nhiên liệu khí gas thấp áp sử dụng qua hệ thống cung cấp trực tiếp của Công ty Gas Nhơn Trạch. Hiệu quả mang lại là rất lớn, tuy nhiên nguy cơ cháy nổ do khí gas cũng rất dễ xảy ra. Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp an toàn như tăng cường huấn luyện công nhân vận hành, kiểm tra giám sát an toàn thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với trung tâm cung cấp,... Cho đến nay chưa xảy ra trường hợp mất an toàn nào.

Về nguồn nước

Nguồn nước Công ty đang sử dụng cho sản xuất là rất lớn (trên 50.000 m³/năm) được cung cấp từ CTCP cấp nước Nhơn Trạch. Với số lượng hàng ngàn doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, nguy cơ thiếu nước, chất lượng nước kém,... có thể xảy ra, ảnh hưởng tới lượng nước cho sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số liệu kết quả và hiệu quả SXKD năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	2018		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ TH/ KH
1	2	3	4	5	6
1	Sản lượng sản xuất (tấn)	149.631	150.000	171.907	114,60
2	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	146.135	150.000	151.964	101,31
3	Doanh thu thuần (Tr.đồng)	1.716.783	2.012.000	2.098.961	114,32
4	Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	1.403	12.000	17.764	148,03
5	Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	937	9.600	14.274	148,69
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (ROE)	0,55	5,45	7,55	308,00
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,21	2,19	2,53	115,53
8	Lãi cơ bản/cổ phiếu	82	835	1.243	155,37
9	Thu nhập bình quân NLD (người/tháng)	11.500	11.596	12.800	110,38

Công ty đã chủ động đánh giá lựa chọn nhà cung cấp phôi đạt chất lượng với giá cạnh tranh, tiến độ giao hàng nhanh đáp ứng được nhu cầu sản xuất, từ đó giảm lượng tồn kho phôi thép vào cuối tháng, giảm chi phí đầu vào.

Công ty đã áp dụng tốt các phương án quản trị, kiểm soát được công nghệ sản xuất. Triển khai nhanh chóng các hạng mục đầu tư để tăng năng suất, giảm sức lao động, phát huy tối đa công suất thiết bị, từ đó giảm tiêu hao nguyên vật liệu đầu vào, các chỉ tiêu KTKT như: thép thời-gas-điện đều giảm so với định mức và giảm so với năm 2017, góp phần vào việc tăng hiệu quả SXKD.

Để đẩy mạnh tiêu thụ trong năm 2018, Công ty đã tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, áp dụng phần mềm quản lý Rosy cho việc theo dõi hàng tồn kho, đơn đặt hàng của khách hàng, tối ưu hóa trong công tác bán hàng, nhờ đó giữ chân được khách hàng với mức tiêu thụ ổn định.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	Tổng giám đốc	2.779.500	10.100
2	Đỗ Ngọc Bằng	Cử nhân tài chính kế toán	Phó Tổng giám đốc		
3	Nguyễn Hữu Khánh	Kỹ sư cán thép	Phó Tổng giám đốc		3.100
4	Nguyễn Quốc Anh Dũng	Cử nhân Tài chính kế toán	Kế toán trưởng		

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Minh Tính - Phó Tổng giám đốc được Công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP điều động nhận nhiệm vụ mới, từ ngày 01/3/2018

+ Ông Nguyễn Hữu Khánh – Quản đốc phân xưởng Cán thép được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, từ ngày 21/3/2018

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động: 196

+ Công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác và Thỏa ước lao động tập thể.

+ Việc áp dụng chính sách trả lương cho người lao động theo vị trí, chất lượng công việc, kỷ luật lao động trong nhiều năm qua phát huy hiệu quả tích cực, người lao động gắn bó, có trách nhiệm ngày càng cao với Công ty. Việc áp dụng thang bảng lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ với mức lương tối thiểu vùng 1 càng làm cho người lao động yên tâm cống hiến cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư tài chính: Không

- Đầu tư dự án: trong năm chưa có các dự án lớn, chỉ có các hạng mục sửa chữa lớn, đầu tư bổ sung và xây dựng cơ bản, với giá trị thực hiện là 3.951.000.000 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	437.528	564.646	
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.716.783	2.098.961	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	13.472	3.768	
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	-12.069	13.995	
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	1.403	17.764	
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	937	14.274	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	0		
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,09	1,12	
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,60	0,66	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	60,74	66,52	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	154,74	189,69	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (C)	12,16 3,92	13,35 3,72	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,68	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,55	7,55	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,21	2,53	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,78	0,18	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần

- Vốn điều lệ: 115.000.000.000 đồng
- Số cổ phần: 11.500.000 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 11.500.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ đông: 410 trong đó

- Cổ đông lớn (chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên): 2 cổ đông
- Cổ đông là tổ chức: 7 cổ đông
- Cổ đông nước ngoài: 16 cổ đông
- Cổ đông trong nước: 387 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 21.009 cổ phiếu
- Tình hình giao dịch: Không

e) Các chứng khoán khác : Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 177.478 tấn thép thỏi

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tổng năng lượng điện tiêu thụ kế hoạch: 14.496.000 Kwh (tấn x kwh)

Tổng năng lượng điện tiêu thụ: 16.616.369 Kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 11.680 kwh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Thiết kế, chế tạo thiết bị ép xả trực giá cán K2 & giá cán Pomini
- Sáng kiến lắp đặt hệ thống đèn led thay thế bóng đèn huỳnh quang

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung: Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

- Số lượng sử dụng: 54.066 m³

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 43.253 m³ chiếm tỉ lệ 80 %

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/

- Tổng số lao động: 196

- Lương bình quân: 12,8 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/

- Tổ chức nhà ăn tập thể: có

- Có trạm y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát thuốc điều trị thông thường hàng ngày và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp hàng năm.

- Bồi dưỡng độc hại cho công nhân trực tiếp sản xuất bằng hiện vật (sữa tươi).

- Có Thỏa ước lao động tập thể với những nội dung có lợi hơn cho NLĐ (sinh nhật, lễ Tết, hiếu hỉ, phúng điếu đám tang, hỗ trợ học tập, trợ cấp khó khăn, thanh toán tiền tàu xe đi phép...)

c) Hoạt động đào tạo người lao động/

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:

+ Cán bộ quản lý: 40 giờ

+ Nhân viên nghiệp vụ: 20 giờ

+ Công nhân kỹ thuật: 20 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

+ Huấn luyện kỹ thuật an toàn – Bảo hộ lao động;

+ Huấn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm;

+ Chương trình Quản trị môi trường làm việc;

+ Đào tạo chuyên nghề;

+ Đào tạo nâng bậc, nâng ngạch.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

- Tham gia chương trình xã hội từ thiện của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

- Phụng dưỡng Mẹ VNAH và thương binh nặng

- Ủng hộ quỹ khuyến học, quỹ Vì người nghèo tại địa phương, ...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Chưa có

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

+ Về sản lượng: Năm 2018, sản xuất 171.907 tấn, đạt 114,60% kế hoạch, tiêu thụ 151.964 tấn, đạt 101,31% kế hoạch. Thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt bởi các đối thủ tăng cường đầu tư mở rộng quy mô, hạ giá để chiếm thị phần, trong khi lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ còn hạn chế, chính sách giá thiếu linh hoạt, dự báo thị trường thiếu chính xác. Bên cạnh đó, hậu quả của việc áp thuế tự vệ lên phôi thép và thép thanh nhập khẩu từ quý 2 năm 2016 vẫn là nguyên nhân làm cho giá phôi nội địa biến động khó lường, tạo khoảng chênh lệch giữa giá phôi và giá bán thành phẩm thấp, hiệu quả từ SXKD chính giảm. Tuy nhiên do kịp thời đưa một số hạng mục đầu tư vào hoạt động đã góp phần tăng năng suất lao động đối với tất cả các dòng sản phẩm, cùng với việc thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý, sản lượng tiêu thụ của Công ty tăng so với năm 2017. Đời sống thu nhập của NLĐ được duy trì, nội bộ đoàn kết, dân chủ cơ sở được phát huy. Các nghĩa vụ với Nhà nước, với xã hội được thực hiện đầy đủ.

+ Về lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế là 17,764 tỷ đồng, đạt 148,03% kế hoạch, nhưng chủ yếu là do số lãi phát sinh từ việc đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời cơ sở từ TP. Hồ Chí Minh về Nhơn Trạch, được ghi nhận 14,008 tỷ đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Thực hiện có hiệu quả các phương án quản trị trong Công ty

+ Giảm các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật trong SXKD so với 2017

+ Áp dụng công nghệ cán hàng dọc cho cán thô

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

+ Sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty;

+ Không có nợ xấu, nợ khó đòi;

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả đều trong phạm vi kiểm soát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Biến động về tỉ giá và chênh lệch lãi vay trong năm 2018 ảnh hưởng không đáng kể đến SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình hành động 2018 để phối hợp các hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu đạt hiệu quả tốt nhất trong SXKD.

- Duy trì thực hiện phương án quản trị môi trường làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm nội địa, tăng cường xuất khẩu trong khu vực;

- Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ cán thép, giảm giá thành chung;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Nhất trí với số liệu của kiểm toán độc lập

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải

Các chỉ tiêu môi trường đều được kiểm soát trong mức quy định, chỉ tiêu sử dụng điện nước thấp hơn năm 2017.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Có sự quan tâm chu đáo đầy đủ đến NLĐ, đảm bảo việc làm, thu nhập cao hơn 10% so năm 2017.

- Thường xuyên bổ sung những chính sách liên quan đến NLĐ như Thỏa ước LĐTT, quy chế trả lương, các chế độ phúc lợi (tham quan, nghỉ mát, bồi dưỡng độc hại,...)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ tích cực các hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương nơi đăng ký kinh doanh và nơi sản xuất;

- Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do địa phương phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Với sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CBCNV, năm 2018 Công ty đã đạt chỉ tiêu sản lượng của Đại hội đồng cổ đông 2018 đề ra. Duy trì SXKD đảm bảo cung ứng sản phẩm ra thị trường, từng bước củng cố thương hiệu sản phẩm thép chữ V.

Duy trì tốt môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu môi trường trong phạm vi cho phép, tích cực xây dựng, cải tạo thiết bị công nghệ để giảm thiểu đến mức thấp nhất ô nhiễm, phát động phong trào Xanh – Sạch – Đẹp trong toàn Công ty.

Tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện của địa phương. Chăm lo thường xuyên đến đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Mặc dù trong năm 2017 còn nhiều khó khăn, bản thân các thành viên Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn. Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, Ban điều hành đã cố gắng làm hết trách nhiệm được giao, hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Khẩn trương triển khai giai đoạn hoàn thiện dự án di dời với việc đầu tư xây dựng xưởng luyện thép.

- Từng bước mở rộng thị trường nội địa, củng cố thị trường xuất khẩu khu vực

- Thường xuyên đào tạo, phát triển đội ngũ lao động đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Văn Chánh	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.860.000	
2	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Tổng giám đốc	2.779.000	10.100
3	Lê Xuân Anh	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Phó Tổng giám đốc	1.112.000	
4	Trương Bá Liêm	Kỹ sư cơ khí	Ủy viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập)	1.150.000	
5	Đặng Thị Linh	Cử nhân tài chính	Ủy viên Hội đồng quản trị	1.191.859	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập tiểu ban mà giao cho từng thành viên HĐQT phụ trách từng nội dung liên quan.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Số lần họp trong năm: 4 lần
- Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 0 lần

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Trương Bá Liêm là Phó Tổng giám đốc CTCP Kim khí TP Hồ Chí Minh, đại diện sở hữu 1,15 triệu cổ phần, là thành viên không điều hành Công ty, cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP Thép Nhà Bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD thép xây dựng.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

5/5 thành viên HĐQT đã học và có chứng chỉ quản trị công ty đại chúng do UBCKNN tổ

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Quốc Thiều	Cử nhân Tài chính kế toán	Trưởng ban kiểm soát		
2	Bùi Văn Vĩnh	Cử nhân quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		3.437
3	Cù Thị Thùy Linh	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Họp mỗi quý 1 lần

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương năm	Thù lao năm	Thu nhập khác
1	Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT	369.360.000	Không	Không
2	Lê Việt	Tổng giám đốc	467.856.000	Không	Không
3	Lê Xuân Anh	Thành viên HĐQT		36.000.000	Không
4	Đặng Thị Linh	Thành viên HĐQT		48.000.000	Không
5	Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT		48.000.000	Không
6	Đỗ Ngọc Bằng	Phó TGD	369.360.000	Không	Không
7	Nguyễn Hữu Khánh	Phó TGD	307.800.000		
8	Nguyễn Quốc Thiệu	Trưởng ban KS	332.424.000	Không	Không
9	Bùi Văn Vĩnh	Thành viên BKS	236.000.000	36.000.000	Không
10	Cù Thị Thùy Linh	Thành viên BKS		36.000.000	Không

Ghi chú: Tiền lương của ông Nguyễn Văn Chánh, thù lao của ông Lê Xuân Anh được tính theo thời gian 9 tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Với Tổng Công ty Thép Việt Nam (thông qua Công ty TNHH MTV Thép miền Nam-VNSTEEL): giao dịch mua phôi và bán sản phẩm

- Với CTCP Kim khí TP Hồ Chí Minh: giao dịch bán sản phẩm

- Với Công ty SMC: giao dịch bán sản phẩm

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện đầy đủ

VI. Báo cáo tài chính (đã được công bố thông tin ngày: 06/3/2019)

1. Ý kiến kiểm toán: chấp thuận toàn bộ

2. Báo cáo tài chính năm 2018 (đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh) được đăng tải toàn văn tại địa chỉ website: nbsteel.vn/quan hệ cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Việt
Tổng giám đốc

CTCP THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Số: 33/NBS-TCHC

Về việc công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
2. Mã chứng khoán: TNB
3. Trụ sở chính: Tầng 4 – 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (028) 38298244 Fax: (028) 38298245–Email: thepnhabe@nbsteel.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Ngọc Bằng - Phó Tổng giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên 2018**
8. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: www.nbsteel.vn

Chúng tôi cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự giúp đỡ của UBCK Nhà nước và Sở GDCK Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên 2018

Người thực hiện công bố thông tin



Đỗ Ngọc Bằng